

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/02/2022

STT	NOMB AY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+P7	7:25	5+17	0+0		2+14	0+0	Chuyen 1 P10-P7
2		TD2	7:25	22	0		22	0	
3		VSP01+CTK3+BK15	7:25	21+0+1	0+0+0		18+0+2	0+0+0	Chuyen 1 CTK3-BK15
4		PVD1+CTK3+BK20	7:25	22+0+0	0		18+0+0	0	Chuyen 3 CTK3-BK20
5		AMD+TGTH1+TGTH5	7:25	14+4+1	0+0+0		5+3+2	0+0+0	Chuyen 2 H1-H5
6		P5+P6+TGTH4	7:25	2+18+2	0+0+0		0+18+2	0+0+0	
7		PVD1+P8	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
8		VSP02+MRM+VSP01	9:25	1+16+5	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
9		AMD	09:25	22	0		14	0	
10		TD2+GTC1	9:25	21+1	0+0		8+0	0+0	
11		C10+TTC2	9:25	12+9	0+0		11+5	0+0	
12		P2+P6	11:25	0+21	0+0+0		0+10	0+0+0	Chuyen 1 P2-P6
13		P1+P7+AMD	11:25	2+14+7	0+0		1+4	0+0	
14		RP1+RC4+VSP01	11:25	11+1+9	0+0+0		0+0+11	0+0+0	Chuyen 5 RP1-RC4
15		BK21+TD1	11:25	6+4	0+0+0		0+7	0+0+0	
16		P8+TD2+TD5	11:25	16+6+0	0+0+0		3+2+4	0+0+0	
17		P4+RC6	13:25	13+8	0+0		0+0	0+0	

Bổ sung CTK3-BK20
xử lý sự cố

Hủy 7 AMD

Hủy điểm P8



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: P10 - P7	CREW: VThắng - NPhú - HIẾU	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ANH QUỐC	P10	49	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	P10	47-48	2	8	60	98	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P10	52	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TÂM	P10	50	1	10	80	70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TRUNG HIẾU	P10	60-61	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P7	41	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LÊN	P7	40	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	P7	47	1	9		52	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH TINH	P7	35	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN PHAN	P7	11	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY LINH	P7	44-45	2	12		91	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P7	42-43	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG OANH	P7	49	1	11		85	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG NHẬT QUANG	P7	36	1	12		55	KHOAN	Vietnamese
15	MAI TUÂN KIẾT	P7	48	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ DUY NGỌC	P7	46	1	14		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG HOAN	P7	50	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VĂN THANH	P7	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGÔ HỒNG GIANG	P7	38	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HẢI LÂM	P7	33	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MẠNH	P7	39	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	P7	37	1	10		51	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	5	7	49	388	140	2	1	CHUYỂN 1PAX TỪ P10 SANG P7
2	P7	17	19	165	1.193	0	14		
TOTAL		22	26	214	1.581	140	16		
WEIGHT KG				214	1.581	140			

GRAND TOTAL: 1.935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	TO: TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Dương - HUNG - Huy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHO ĐÔNG	TD2	07	1	20		73	DMC-MI	Vietnamese
2	VU MẠNH THĂNG	TD2	15	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	22	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN HUNG HUNG	TD2	08-09	2	12	80	94	KHOAN	Vietnamese
5	LE THANH TUNG	TD2	25	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
6	CAO VAN LOI	TD2	12	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUAN	TD2	21	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN BAC	TD2	17	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN MẠNH CUONG	TD2	20	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN TRONG ANH	TD2	13	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
11	TRUONG THANH TUNG	TD2	26	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	GONCHAROV SERGEY	TD2	18	1	15		100	KHOAN	Russian
13	MAI VAN HOANG	TD2	23	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CONG HIEU	TD2	24	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	TD2	06	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LY XUAN TRUNG	TD2	11	1	10		68	YTE	Vietnamese
17	VO SI HOAI THANH	TD2	10	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
18	LE TUAN NGHIA	TD2	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
19	HA VAN LINH	TD2	04	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
20	LE MINH ĐỨC	TD2	05	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN CHI ĐỨC	TD2	16	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH VAN HUAN	TD2	19	1	7		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	23	168	1.689	80	22		
TOTAL		22	23	168	1.689	80	22		
WEIGHT KG				168	1.689	80			

GRAND TOTAL: 1.937 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: VSP01 - CTK3 - BK15	CREW: Nam - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:20
TRANG			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNISHEV V.A.	VSP01	49	1	7		105	KH-THAC	Russian
2	HUYNH KIM KHANH	VSP01	59-60	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN BÁC	VSP01	53-54	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	56	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	61,64	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	47	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH VĂN THÔN	VSP01					77	KH-THAC	Vietnamese
9	GURIN V.V.	VSP01	48	1	5		99	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN NGỌC LAN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ MINH PHƯƠNG	VSP01	51	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HOÀN	VSP01	55	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
13	КРАПИВКА В.С.	VSP01	50	1	5		91	KH-THAC	Russian
14	VŨ QUANG THÀNH	VSP01	52	1	6		67	YTE	Vietnamese
15	PHAN DUY BÌNH	VSP01	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	45	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	58,63	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	62	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	44	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC ANH	BK15	13	1	8		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	21	120	1.585	0	18		CHUYEN 1 KHACH TU CTK3 SANG BK15
2	CTK3	0	0	0	0	60	0		
3	BK15	1	1	8	80	0	2		
TOTAL		22	22	128	1.665	60	20		
WEIGHT KG				128	1.665	60			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	TO: PVD1 - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - XHOÀN - DTùng	ETA: 09:25
NAU - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VINH TUY	PVD1	56	1	9	128	75	SEAMAP	Vietnamese
2	PHẠM MINH TÂN	PVD1	57	1	5		68	SEAMAP	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY SƠN	PVD1	59	1	6		67	PVD DD	Vietnamese
4	CÁP VĂN SEN	PVD1	54	1	10		54	PVD DD	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC TÙNG	PVD1	62	1	12		84	PVD DD	Vietnamese
6	NGHIÊM VŨ ĐẠT	PVD1	55	1	10		66	PVD DD	Vietnamese
7	ĐẬU HOANG LONG	PVD1	52	1	7		69	PVD DD	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY TŨ	PVD1	63	1	13		75	PVD DD	Vietnamese
9	ĐẶNG KHẮC DƯƠNG	PVD1	60-61	2	15		80	STERLING	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN MINH	PVD1	03,68	2	15		70	PVDWS	Vietnamese
11	NGÔ XUÂN ĐIỆN	PVD1	67	1	12		73	PVDWS	Vietnamese
12	HOANG HỮU BÌNH	PVD1	58	1	12		73	PVD	Vietnamese
13	TRỊNH HỮU TRUNG	PVD1	65-66	2	14		83	PVD DD	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN LỘC	PVD1	73	1	6		70	PVD	Vietnamese
15	NGÔ VĂN TẠO	PVD1	53	1	7		62	PVD	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG VƯƠNG	PVD1	70	1	10		75	PVD	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUANG	PVD1	51	1	5		65	PVD	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC CÔNG	PVD1	68	1	11		65	PVD	Vietnamese
19	LÊ TÂN ĐẠT	PVD1	69	1	7		55	PVD	Vietnamese
20	TRẦN HỮU TRẠC	PVD1	72	1	6		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH VƯỢNG	PVD1	71	1	5		63	PSV	Vietnamese
22	HỒ MINH PHÚC	PVD1	64	1	6		84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	25	203	1.546	128	18		CHUYEN 3 PAX CTK3 - BK20
2	CTK3	0	0	0	0	0	0 + 3		
3	BK20	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	203	1.546	128	18		
WEIGHT KG				203	1.546	128			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	TO: AMD - TGTH1 - TGTH5	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ATUẤN - Trưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GERHARDUS STEPHANUS DOUBELL	AMD	34-35	2	17	100	90	BAB	Saudi Arabia
2	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	32-33	2	9		63	BAB	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN AN	AMD	41	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRÌNH VĂN PHA	AMD	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	30-31	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	09	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	29	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	36	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN AN	AMD	44	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHÍNH	AMD	45	1	5		65	HLJOC	Vietnamese
11	BUI TRẦN LIÊM	AMD	48	1	6		65	HLJOC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG LĨNH	AMD	46	1	5		65	KT	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	47	1	5		65	KT	Vietnamese
14	LÊ PHÂN NGỌC CHAU	AMD	49-50	2	17		67	KT	Vietnamese
15	LA NGOC HOAN	TGTH1	82	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÀ	TGTH1	80-81	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	78	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TGTH1	79	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH KIẾN	TGTH5	26	1	9		70	HLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	18	116	957	100	5		CHUYỂN 01 PAX TỪ TGTH1 SANG TGTH5
2	TGTH1	4	5	41	255	0	3	1	
3	TGTH5	1	1	9	70	0	2		
TOTAL		19	24	166	1.282	100	10		
WEIGHT KG				166	1.282	100			

GRAND TOAL: 1.548 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 6	TO: P5 - P6 - TGTH4	CREW: LHM - ĐỨC - dũng	ETA: 09:30
TIM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC HẬU	P5	05-06	2	12	31	60	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THỦ	P5	07	1	7		52	CODIEN	Vietnamese
3	BRANCHUKOV	P6	56	1	2		73	D-HANH	Russian
4	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	P6					74	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUY	P6	77	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
6	YASENKO	P6	55	1	3	15	99	ANTOAN	Russian
7	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P6	60-61	2	8		67	YTE	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	74-75	2	18		67	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TUAN	P6	62-64	3	13		67	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI M.KHANH CUONG	P6	73	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN TIẾN	P6	71-72	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LŨ SƠN	P6	76,78	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BẮC	P6	69	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	59	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	70	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	66	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN SÁNG	P6	65	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC AN	P6	57	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	67-68	2	13		89	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO MINH HOANG	P6	58	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VINH QUANG	TGTH4	33-34	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
22	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	35-36	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	3	19	112	31	0		
2	P6	18	24	135	1.283	15	18		
3	TGTH4	2	4	22	134	0	2		
TOTAL		22	31	176	1.529	46	20		
WEIGHT KG				176	1.529	46			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	TO: PVD1 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ VĂN ĐỨC	PVD1	13	1	5	73	65	VTB	Vietnamese
2	ĐINH QUANG TRUNG	P8	65	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	61	1	5		72	YTE	Vietnamese
4	HUYNH CHANH PHAT	P8	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÙNG HÀ TÀI	P8	63	1	9		110	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN TÂN	P8	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH TRI	P8	58	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG HIẾN	P8	64	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH VINH	P8	66	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	72	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P8	67	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRONG TIẾN	P8	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH HOANG	P8	70	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TRUNG	P8	46	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT HOA	P8	69	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	65	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẦN ANH DŨC	P8	73	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	1	1	5	65	73	0		
2	P8	21	21	126	1.503	0	22		
TOTAL		22	22	131	1.568	73	22		
WEIGHT KG				131	1.568	73			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 8	TO: VSP02 - MRM - VSP01	CREW: HUNG - MTHAO - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

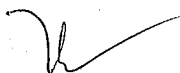
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TRUNG SONG	VSP02	04	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC THACH	MRM	45	1	7		56	BMĐH	Vietnamese
3	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	56	1	19		72	AMNGR	Russian
4	BUI TRUNG UYEN	MRM	50	1	7		80	AMNGR	Vietnamese
5	DUONG VIET DUNG	MRM	47	1	4	30	50	AMNGR	Vietnamese
6	NGUYEN CONG NGHIA	MRM	53	1	5		58	AMNGR	Vietnamese
7	DO BA NGUYEN TOAN ANH	MRM	46	1	7		75	AMNGR	Vietnamese
8	HUYNH VAN DAT THONG	MRM	44	1	12	12	72	AMNGR	Vietnamese
9	PHAM VAN KY	MRM	25	1	10		60	XNKT	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN DUNG	MRM	52	1	18		83	XNKT	Vietnamese
11	NGUYEN MANH CUONG	MRM	55	1	11		100	XNKT	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC HÀ	MRM	51	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	MRM	41-42	2	18		90	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HOAN	MRM	38	1	14		80	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN ĐUNG	MRM	54	1	15		57	DVL	Vietnamese
16	PHAM VAN SANG	MRM	39-40	2	15		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC PHUNG	MRM	48-49	2	19		67	DVL	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	54	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỮU HÀ	VSP01	40	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUỐC TUAN	VSP01	37	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN CÔNG QUÂN	VSP01	38	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VĂN TRƯỜNG	VSP01	39	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

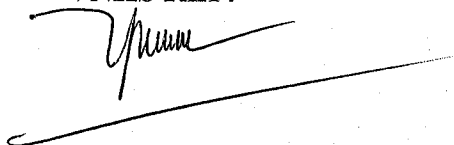
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	1	1	10	87	0	0		
2	MRM	16	19	191	1,139	42	18		
3	VSP01	5	5	30	348	0	4		
TOTAL		22	25	231	1,574	42	22		
WEIGHT KG				231	1,574	42			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	TO: AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Nam - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC DUONG	AMD	08-09	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HO NGHIA	AMD	54	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THU	AMD	57	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN QUYET	AMD	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	55	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	AMD	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VO VAN KHOI	AMD	51,53	2	12		69	HAVIET	Vietnamese
8	BUI VAN ĐUC	AMD	62,03	2	12		65	HAVIET	Vietnamese
9	TRAN TUAN VU	AMD	58	1	8		70	HAVIET	Vietnamese
10	THAI PHAT	AMD	06-07	2	16		82	HAVIET	Vietnamese
11	TRAN TRONG XUAN	AMD	59-60	2	14		58	HAVIET	Vietnamese
12	TRAN VAN TUAN	AMD	61	1	10		75	HAVIET	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUAN	AMD	04-05	2	15		70	HAVIET	Vietnamese
14	TRINH NGOC HUNG	AMD	56	1	10		64	HAVIET	Vietnamese
15	TRAN ANH QUAN	AMD	50	1	14		66	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	21	159	1.032	0	14		
TOTAL		15	21	159	1.032	0	14		
WEIGHT KG				159	1.032	0			

GRAND TOAL: 1.191 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:55
FLIGHT: 10	TO: TD2 - GTC1	CREW: Hạnh - KHOÀN - DTùng	ETA: 11:35
TRANG-2A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÚ	TD2	07	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN THUY	TD2	01	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN NAM	TD2	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC THANH	TD2	02	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VĂN TÀI	TD2	89	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀO VĂN MINH	TD2	87	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH THỊ NHÀN	TD2	75	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÀ KHA	TD2	79	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
9	TẠ HOÀI TRANG	TD2	90	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese
10	ĐỖ THANH HẢI	TD2	11	1	8		67	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD2	10	1	10		65	DVL	Vietnamese
12	HOÀNG DUY TÀI	TD2	85-86	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN ĐỨC NGUYỄN	TD2	12-13	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	TD2	73	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN LỘC	TD2	80-81	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG XUÂN KIẾN	TD2	84	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ THANH LẠC	TD2	03-04	2	16	60	56	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ VĂN SƠN	TD2	08-09	2	20		53	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC VĂN	TD2	72	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD2	05-06	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN THANH	TD2	82-83	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÙNG	GTC1	87-88	2	20		78	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	28	232	1.374	60	8		
2	GTC1	1	2	20	78	0	0		
TOTAL		22	30	252	1.452	60	8		
WEIGHT KG				252	1.452	60			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	TO: CLO - TTC2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - dũng	ETA: 11:40
NAU - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH HOÀI NAM	CLO	88	1	16	16	88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU HẬU	CLO	97	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THANH ĐO	CLO	99	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG THUY	CLO	300	1	7	30	70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN KIM THẠCH	CLO	93-94	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	CLO	95-96	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	89	1	13		68	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN THIỆU BÌNH	CLO	91-92	2	17		61	DVL	Vietnamese
9	ĐOÀN PHÚC HOANG	CLO	84-85	2	15		74	DVL	Vietnamese
10	PHAN ĐĂNG TUẤN	CLO	86	1	6		61	DVL	Vietnamese
11	LÊ PHÚ PHÚC	CLO	90	1	9		85	DVL	Vietnamese
12	ĐÔNG VĂN CUÔNG	CLO	98	1	10		60	GETRACO	Vietnamese
13	HOANG QUỐC BAO	TTC2					63	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN THỰC	TTC2	730	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	30	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	33	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUY	TTC2	35	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG LINH	TTC2	34	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VĂN TRƯỞNG	TTC2	36-37	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ CHÍ CÔNG	TTC2	29	1	11		54	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	31-32	2	8	30	74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	12	16	131	841	46	11		
2	TTC2	9	10	75	611	30	5		
TOTAL		21	26	206	1.452	76	16		
WEIGHT KG				206	1.452	76			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	TO: P2 - P6	CREW: QViệt - CHIẾN - QTrường	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC HOA	P6	89-90	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN HUY THONG	P6	86	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG	P6	77-78	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TUAN LONG	P6	96-97,02	3	20		88	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN TOAN	P6	84-85	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
6	VU MANH THANG	P6	81-83	3	18		70	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI NGOC HOANG	P6	03-04	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CHU	P6	79-80	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	76	1	12		80	GETRACO	Vietnamese
10	TRAN QUOC DOANH	P6	80	1	7		79	GETRACO	Vietnamese
11	ĐỖ XUÂN HẬU	P6	70	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYEN GIAC UNG	P6	71	1	6		80	GETRACO	Vietnamese
13	VU VIET SON	P6	72-73	2	16		60	GETRACO	Vietnamese
14	TRAN THIEN SON	P6	68	1	5		62	BIENDONG	Vietnamese
15	VÔ ĐÌNH HÙNG	P6	74-75	2	16		64	BIENDONG	Vietnamese
16	NGUYEN NAM LONG	P6	49	1	12		79	BIENDONG	Vietnamese
17	HỒ SĨ PHƯƠNG	P6	93	1	12		68	BIENDONG	Vietnamese
18	PHAN VAN BEN	P6	87-88	2	18		72	BIENDONG	Vietnamese
19	TRAN DANH HUNG	P6	94-95	2	10		59	BIENDONG	Vietnamese
20	TRUONG MINH THE	P6	91-92	2	13		54	BIENDONG	Vietnamese
21	PHAM QUANG THOM	P6	69	1	9		66	BIENDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	0	0	0	0	80	0	1	CHUYEN 1 PAX P2-P6
2	P6	21	35	246	1.452	0	10		
TOTAL		21	35	246	1.452	80	10		
WEIGHT KG				246	1.452	80			

GRAND TOTAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2022	TO: P1 - P7 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Huy	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN NAM	P1	72	1	10		74	HA VIET	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DOAN	P1	73-74	2	18		50	HA VIET	Vietnamese
3	NGUYEN HUU LUAN	P7	43	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
4	VU MINH ĐỨC	P7	40	1	16		100	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN NGHỊ	P7	39	1	14		69	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH BÌNH	P7	38	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NAM THẮNG	P7	41	1	17	78	101	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG THAI VIỆT	P7	94	1	10		73	DVL	Vietnamese
9	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P7	86	1	10		67	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIẾP	P7	96-97	2	19		73	DVL	Vietnamese
11	PHẠM VĂN CƯỜNG	P7	44-45	2	20		85	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT HUNG	P7	95	1	12		60	DVL	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P7	49-50	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM MINH VŨ	P7	47-48	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH CƯỜNG	P7	46	1	10	28	70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH TÂM	P7	42	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM THANH TRUNG	AMD	14-15	2	13		65	HLJOC	Vietnamese
18	VUÔNG BÌNH	AMD	16-17	2	14		59	HLJOC	Vietnamese
19	TRẦN CAO TẠNG	AMD	20	1	6		75	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐẮC ĐÔNG	AMD	18-19	2	6		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	2	3	28	124	0	0		P7 co 4 kien hang len cabin
2	P7	14	18	195	1.056	106	1		
3	AMD	4	7	39	254	0	4		
TOTAL		20	28	262	1.434	106	5		
WEIGHT KG				262	1.434	106			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 14	TO: RP1 - RC4 - VSP01	CREW: TTrung - VLinH - Toan	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	RP1	35	1	14	50	77	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG QUÂN	RP1	38-39	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG SỸ CHIẾN	RP1	37	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	RP1	36	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP1	40-41	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	RP1	31-32	2	10		53	XAYLAP	Vietnamese
7	HÒA QUANG THẮNG	RP1	45-46	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
8	KIM VĂN TÌNH	RP1	43-44	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG TUẤN	RP1	42	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NINH VĂN SƠN	RP1	33-34	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH KIẾT	RP1	47	1	16		73	XAYLAP	Vietnamese
12	VÕ NGỌC THAI SƠN	RC4	39	1	13	37	74	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	59	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	63	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	VSP01	57	1	14		76	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHAN	VSP01	58	1	4		80	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐIẾP	VSP01	61	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	55	1	3		68	PSV	Vietnamese
19	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	56	1	5		61	PSV	Vietnamese
20	VŨ MẠNH DŨNG	VSP01	62	1	8		76	PSV	Vietnamese
21	LÊ CÔNG HÙNG	VSP01	60	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

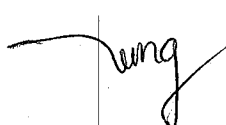
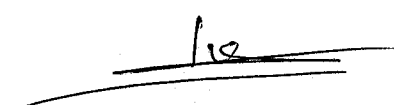
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	11	17	154	714	50	0	0	CHUYEN 5 RP1-RC4
2	RC4	1	1	13	74	37	0	0	
3	VSP01	9	9	53	623	0	11	0	
TOTAL		21	27	220	1.411	87	11	0	
WEIGHT KG				220	1.411	87			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:05
FLIGHT: 15	TO: BK21 - TD1	CREW: Hạnh - Mạnh - DTùng	ETA: 13:45
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG XUÂN THAI	BK21	29-36	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU ĐỨC HÙNG	BK21	58-59	2	6	30	60	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN ĐỊNH	BK21	32-33	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK21	30-31	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN NGỌC	BK21	61-62	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG ĐIỀN	BK21	60	1	8		69	GETRACO	Vietnamese
7	LÊ TUẤN ANH	TD1	28	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG PHÁT	TD1	29	1	13	30	77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	TD1	26	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	TD1	27	1	7		85	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

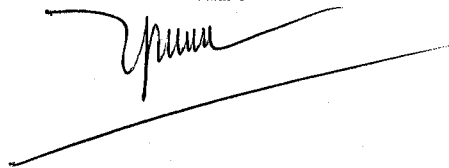
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	6	11	86	395	30	0		
2	TD1	4	4	35	296	30	7		
TOTAL		10	15	121	691	60	7		
WEIGHT KG				121	691	60			

GRAND TOAL: 872 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	TO: P8 - TD2 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:10
FLIGHT: 16	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - dũng	ETA: 13:50
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LỢI	P8	100,41	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ CHÈ LINH	P8	75	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG DUẬN	P8	94	1	10		57	PSV	Vietnamese
4	HA VĂN THIÊN	P8	44	1	5		72	PSV	Vietnamese
5	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	96	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH CUÔNG	P8	66	1	5		50	PSV	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THUAN	P8	42-43	2	7		55	PSV	Vietnamese
8	ĐINH NGỌC CHÍNH	P8	91	1	7		67	NAM TIEN	Vietnamese
9	GIANG VĂN VƯƠNG	P8	93	1	8		60	NAM TIEN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TUÂN	P8	88	1	10		65	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚC TÀI	P8	95	1	8		65	NAM TIEN	Vietnamese
12	DƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	P8	89-90	2	14		58	NAM TIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN CUÔNG	P8	87	1	8		61	NAM TIEN	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGỌC	P8	97	1	5		65	NAM TIEN	Vietnamese
15	ĐO VĂN KHUYNH	P8	92	1	7		59	NAM TIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRẦN TÍN	P8	45	1	5		70	NAM TIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC LONG	TD2	68	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HUY	TD2	01	1	16	25	67	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN LÂN	TD2	03	1	9		70	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN ANH TUÂN	TD2	17	1	6		63	GETRACO	Vietnamese
21	THỜI QUỐC TUÂN	TD2	45	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒ QUANG	TD2	46	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

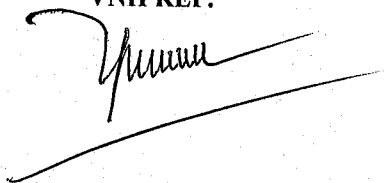
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	16	19	122	1.002	0	3		
2	TD2	6	6	67	393	25	2		
3	TD5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	25	189	1.395	25	9		
WEIGHT KG				189	1.395	25			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2022	TO: P4 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:00
FLIGHT: 17	FROM: VT	CREW: QViệt - CHIẾN - QTrường	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN SON	P4	900	1	8		58	KHI	Vietnamese
2	TRAN VU PHUC	P4	94-95	2	14		77	KHI	Vietnamese
3	DO DINH TRUONG	P4	97	1	17		60	KHI	Vietnamese
4	TRUONG VAN HUAN	P4	88	1	12		60	KHI	Vietnamese
5	LE VU LUC	P4	91-92	2	12		75	KHI	Vietnamese
6	PHAM CONG THO	P4	89	1	13		57	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VIET ANH HOANG	P4	96	1	7		56	KHI	Vietnamese
8	PHAM DUC HIEP	P4	87	1	10		78	KHI	Vietnamese
9	TRAN SON THIEN	P4	90	1	7		55	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN HUU Y	P4	86	1	10		93	KHI	Vietnamese
11	LE TUAN TU	P4	93	1	7		72	KHI	Vietnamese
12	PHAM VAN THANG	P4	98	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	PHAM DUY PHUONG	P4	99	1	7		50	KHI	Vietnamese
14	LE NGOC TUAN	RC6	85	1	11		79	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN LAI	RC6	87-88	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO QUANG PHUC	RC6	28,89	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
17	DAO NGUYEN DU MAC	RC6	43	1	10	20	65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC QUANG	RC6	86	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TRUNG	RC6	81	1	18		68	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN DUC TUAN	RC6	82	1	5	20	82	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN KIM THONG	RC6	84	1	18		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	15	129	851	0	0		
2	RC6	8	10	113	543	40	0		
TOTAL		21	25	242	1.394	40	0		
WEIGHT KG				242	1.394	40			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

